

CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

Thời gian : 08h30 Thứ bảy, ngày 29 tháng 06 năm 2024

Địa điểm : Số 17 đường số 6 KDC Cityland park Hill, Phường 10, Quận Gò Vấp, Tp. HCM

THỜI GIAN	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	
08:00 – 08:30	I	PHẦN NGHI THỨC
		Đón tiếp – Kiểm tra tư cách cổ đông
		Tuyên bố lý do – Giới thiệu Ban lãnh đạo Công ty, khách mời – Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông
		a. Đề cử và biểu quyết thông qua nhân sự của Đại hội: ✓ Chủ tọa đoàn ✓ Ban Thư ký ✓ Ban kiểm tra tư cách cổ đông, kiểm phiếu kiêm bầu cử b. Biểu quyết thông qua: 1. Chương trình Đại hội 2. Quy chế làm việc
08:30 – 11:00	II	NỘI DUNG ĐẠI HỘI
	1	Phần báo cáo
	i.	Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về hoạt động kinh doanh của công ty năm 2023, kế hoạch kinh doanh năm 2024.
	ii.	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024.
	iii.	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024.
	2	Phần Tờ trình và bầu cử
	i.	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.
	ii.	Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán, phân phối lợi nhuận, thù lao HĐQT, BKS năm 2024.
	iii.	Tờ trình thay đổi mô hình tổ chức quản trị Công ty Cổ phần Hestia.
	iv.	Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
	v.	Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
	vi.	Tờ trình Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty.
	vii.	Tờ trình thông qua các giao dịch với bên liên quan.
	viii.	Tờ trình Thông qua chủ trương đầu tư.
	ix.	Tờ trình thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024
	x.	Tờ trình bầu bổ sung TV HĐQT.
	xi.	Thông qua quy chế bầu cử, hướng dẫn bầu cử, tiến hành bầu cử.
	3	Phản thảo luận các tờ trình và biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình.
11:00-11:15	4	Giải lao.
11:15-11:25	5	Báo cáo kết quả bầu cử.
	6	Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung báo cáo và tờ trình.
11:25- 12:00	7	Thông qua dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
12:05	8	Bế mạc Đại hội.

QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Hestia.

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (“**ĐHĐCĐ**” hoặc “**Đại hội**”) của Công ty Cổ phần Hestia (“**Công ty**”).

Điều 2. Mục đích áp dụng

Quy chế này quy định cụ thể trình tự thủ tục để các Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia ĐHĐCĐ tiến hành ĐHĐCĐ.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia ĐHĐCĐ có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II CỔ ĐÔNG, CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ

1. Điều kiện tham dự ĐHĐCĐ

Là Cổ đông sở hữu cổ phần Công ty có tên trong Danh sách cổ đông của Công ty tại ngày 30/5/2024 chốt Danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ hoặc là người được các Cổ đông này ủy quyền tham dự họp lệ.

2. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

- Cổ đông hoặc Người được ủy quyền cần mang theo các giấy tờ sau:

- Bản chính Giấy Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu;
 - Bản chính Giấy ủy quyền theo mẫu của Công ty (trường hợp là Người được ủy quyền dự họp).
- b. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền xuất trình các giấy tờ theo điểm a nêu trên cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu họp ĐHĐCĐ cùng với Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử.
 - c. Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho Người được ủy quyền thay mặt tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ không được ủy quyền lại cho người khác tham dự ĐHĐCĐ.
 - d. Trường hợp thùng phiếu chưa được niêm phong, cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi ĐHĐCĐ đã khai mạc vẫn có quyền đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, nhận tài liệu họp ĐHĐCĐ cùng Phiếu biểu quyết, và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó (nếu có) không thay đổi. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký.
 - e. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp phải ứng xử văn minh, lịch sự, tôn trọng kết quả làm việc tại ĐHĐCĐ. Việc ghi âm, ghi hình của cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp tại ĐHĐCĐ phải được thông báo công khai và phải được chấp thuận bởi Chủ tọa.
 - f. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp phải tuân thủ các quy định khác trong Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định của Luật doanh nghiệp khi tham dự ĐHĐCĐ.

Điều 5. Đoàn Chủ tịch, Chủ tọa Đại hội

1. Đoàn Chủ tịch bao gồm các Thành viên của Hội đồng Quản trị (**HDQT**), Tổng Giám đốc. Chủ tịch HDQT làm Chủ tọa Đại hội và là người chủ trì ĐHĐCĐ.
2. Đoàn Chủ tịch sẽ thực hiện các công việc nhằm hỗ trợ việc điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ của Chủ tọa.
3. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa:
 - a. Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ theo chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua;
 - b. Có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ, bao gồm nhưng không giới hạn:
 - Trả lời những vấn đề do ĐHĐCĐ yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời hoặc ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu có các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến ĐHĐCĐ. Để làm rõ, chủ tọa được quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận những ý kiến đóng góp của các cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị đó nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội;

- Có quyền tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự, bao gồm nhưng không giới hạn việc tạm dừng hoặc hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ nếu có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp; hoặc có quyền trục xuất những người có biểu hiện cản trở, gây rối, không tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa và Đoàn Chủ tịch ra khỏi cuộc họp để cuộc họp ĐHĐCĐ tiến hành theo đúng quy định pháp luật;
- c. Thực hiện các công việc khác phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật để điều hành ĐHĐCĐ.

Điều 6. Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông

1. Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông gồm 03 thành viên (bao gồm một (01) Trưởng ban và các thành viên) do Chủ tọa chỉ định.
2. Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông có trách nhiệm tổ chức thẩm tra tư cách cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội, lập biên bản và công bố kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước đại hội.

Điều 7. Ban Thư ký

1. Ban Thư ký gồm hai (02) thành viên (một (01) trưởng ban và một (01) thành viên) do Chủ tọa đề cử và được thông qua tại ĐHĐCĐ.
2. Ban Thư ký thực hiện các công việc hỗ trợ Chủ tọa tại ĐHĐCĐ, bao gồm:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung ĐHĐCĐ;
 - Công bố dự thảo Biên bản cuộc họp, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
 - Tiếp nhận câu hỏi bằng văn bản của Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp;
 - Các công việc khác theo phân công của Chủ tọa.

Điều 8. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu gồm ba (03) thành viên (một (01) Trưởng ban và hai (02) thành viên) do Chủ tọa đề cử và được thông qua tại ĐHĐCĐ.
2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - Chuẩn bị thùng phiếu, phổ biến nguyên tắc biểu quyết, cách sử dụng Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết, trình tự và thể thức biểu quyết;
 - Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ;
 - Kiểm tra tính hợp lệ của phiếu biểu quyết, ghi nhận số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung xin ý kiến;
 - Trưởng ban kiểm phiếu sẽ báo cáo kết quả kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ theo chỉ định của Chủ tọa và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã

công bố.

CHƯƠNG III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 9. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo Danh sách Cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ.
2. Trường hợp quá sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm khai mạc ĐHĐCĐ được ghi trong nội dung chương trình cuộc họp đã gửi cho các Cổ đông mà số Cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ chưa đại diện đủ tỷ lệ theo Điều 9.1 của Quy chế này thì cuộc họp được xem như chưa đủ điều kiện tiến hành.
3. Trường hợp ĐHĐCĐ chưa đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 9.2 của Quy chế này thì việc triệu tập và tiến hành cuộc họp cho lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Luật doanh nghiệp.

Điều 10. Tiến hành ĐHĐCĐ

1. Chủ tọa điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ diễn ra theo đúng trình tự, nội dung chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua.
2. ĐHĐCĐ sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung chương trình ĐHĐCĐ theo hình thức biểu quyết tại Quy chế này. Chủ tọa sẽ bố trí thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình ĐHĐCĐ.
3. ĐHĐCĐ sẽ bế mạc sau khi Biên bản họp ĐHĐCĐ được thông qua.

Điều 11. Phiếu biểu quyết và thẻ biểu quyết

1. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp sẽ được cấp một (01) Phiếu biểu quyết gồm các nội dung biểu quyết cần thông qua tại ĐHĐCĐ.
2. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết và thẻ biểu quyết tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu và được ủy quyền (nếu có).
3. Phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết. Phiếu biểu quyết không hợp lệ là phiếu thuộc một trong các trường hợp như sau:
 - Phiếu biểu quyết không do Công ty phát hành;
 - Ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác khi không được Chủ tọa yêu cầu;
 - Bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn (trường hợp này cổ đông có thể yêu cầu đổi lại phiếu mới và trả lại phiếu cũ cho Ban kiểm phiếu, mỗi cổ đông được

yêu cầu đổi Phiếu biểu quyết 01 lần);

- Không có ký tên và ghi rõ họ tên của cổ đông hoặc người được ủy quyền.
4. Trường hợp có bất kỳ nội dung nào trong Phiếu biểu quyết được ghi nhiều ý kiến khác nhau hoặc không chọn bất kỳ kết quả biểu quyết nào hoặc chọn từ hai (02) - ba (03) kết quả biểu quyết trong cùng một nội dung biểu quyết hoặc thay đổi kết quả biểu quyết từ hai (02) lần trở lên thì những nội dung biểu quyết đó được xác định là “Không có ý kiến” vào kết quả biểu quyết; những nội dung còn lại được biểu quyết hợp lệ vẫn có giá trị pháp lý.
 5. Việc biểu quyết đối với từng nội dung biểu quyết trong Phiếu biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết đối với nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của phần biểu quyết đối với các nội dung khác.
 6. Những Phiếu biểu quyết không gửi cho Ban kiểm phiếu trong quá trình thu phiếu tại Đại hội sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết.

Điều 12. Cách thức biểu quyết

1. Khi biểu quyết các vấn đề cần thông qua được ghi trong Phiếu biểu quyết, cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ tiến hành biểu quyết bằng cách đánh dấu “□” hoặc “X” vào phương án biểu quyết trong Phiếu biểu quyết (Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến).
2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu. Sau khi Cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu, tùy thời điểm nào đến trước, Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm thông báo kết quả biểu quyết tại ĐHĐCĐ.
3. Đối với các vấn đề cần thông qua tại ĐHĐCĐ mà không ghi trong Phiếu biểu quyết thì sẽ được biểu quyết bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết: Tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến. Cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần đối với từng nội dung. Chủ tọa Đại hội sẽ công bố kết quả biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi biểu quyết. Bao gồm các nội dung: Thông qua nhân sự Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu; Quy chế tổ chức đại hội; Quy chế bầu cử; thông qua danh sách ứng viên TV HĐQT; Chương trình làm việc của Đại hội; Biên bản và Nghị quyết Đại hội và một số vấn đề khác phát sinh ngay tại Đại hội khi được Chủ tọa lấy ý kiến.

Điều 13. Kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định sau đây:
 - Kiểm tra tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết;
 - Kiểm tra lần lượt từng Phiếu biểu quyết và ghi nhận kết quả kiểm phiếu;
 - Tính toán và loại bỏ số cổ phần không được quyền biểu quyết của Cổ đông không có quyền biểu quyết (nếu có ở từng nội dung cần biểu quyết);

- Niêm phong toàn bộ Phiếu biểu quyết và bàn giao lại cho Đoàn chủ tịch.
- 2. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu để thống kê kết quả biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết để báo cáo ĐHĐCĐ. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ làm việc, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

Điều 14. Thông báo kết quả Kiểm phiếu

Kết quả biểu quyết sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 15. Phiếu bầu cử

Việc bầu cử thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. (chi tiết về thể lệ bầu cử và phương thức bầu cử thể hiện chi tiết trong Quy chế bầu cử).

Điều 16. Ghi nhận ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ

1. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền tham dự khi muốn phát biểu tại ĐHĐCĐ thì phải giơ Thẻ biểu quyết hoặc đăng ký phát biểu với Ban Thư ký. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, phù hợp với nội dung chương trình đại hội và không phát biểu lại các nội dung đã được Cổ đông hoặc Người được ủy quyền tham dự khác đã phát biểu.
2. Chủ tọa căn cứ vào thời gian chương trình họp để sắp xếp việc phát biểu của cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự. Chủ tọa sẽ ưu tiên phát biểu cho các Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự có đăng ký trước và nội dung có liên quan đến chương trình Đại hội. Để làm rõ, chỉ những ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình ĐHĐCĐ mới được xem xét ghi vào Biên bản cuộc họp.
3. Ban Thư ký sẽ xem xét ghi chép vào Biên bản họp ĐHĐCĐ các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình đại hội.

Điều 17. Thông qua Quyết định của ĐHĐCĐ

1. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi có số Cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này.
2. Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi tên Công ty, thay đổi ngành, bổ sung ngành nghề kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; tổ chức lại hay giải thể Công ty, giao dịch mua bán tài sản Công ty có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty thì phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
3. Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 18. Ghi và lập Biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Ban Thư ký chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến ĐHĐCĐ, dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, lập biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.
2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi bế mạc. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ kết thúc.
3. Chủ tọa và Ban Thư ký liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp ĐHĐCĐ. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản họp phải ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

CHƯƠNG IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này được đọc trước ĐHĐCĐ và lấy ý kiến biểu quyết của các Cổ đông. Nếu Quy chế này được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành thì Quy chế này sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các Cổ đông.
2. Các Cổ đông, các thành viên tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Hestia chịu trách nhiệm thi hành.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Trần Đức Định

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023 & KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

Thay mặt Ban điều hành, tôi xin báo cáo Quý Cổ đông về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024 như sau:

I. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023

1. Thuận lợi và khó khăn:

a. Thuận lợi:

- Ban lãnh đạo công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty luôn đoàn kết triển khai thực hiện hoạt động kinh doanh trên cơ sở định hướng chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Hoạt động kinh doanh của công ty trên cơ sở mô hình tin gọn bộ máy nhằm tiết kiệm chi phí tối đa để đem lại hiệu quả cao nhất cho công ty.
- Ban điều hành luôn luôn quyết tâm tìm kiếm các phương án, giải pháp cho phù hợp để trình Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. Trên cơ sở đó triển khai thực hiện với mục tiêu chiến lược kinh doanh mới phù hợp.

b. Khó khăn:

- Sự biến động về chiến tranh giữa Nga – Ukraine, xung đột giữa lực lượng Hồi giáo Hamas với Israel bùng phát tại Dải Gaza ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động thương mại toàn cầu. Bên cạnh đó sự việc phát sinh căng thẳng trên biển đỏ Lực lượng Houthis bắt đầu tấn công vận tải biển quốc tế vào tháng 11/2023 đã ảnh hưởng nhiều tới vận tải giao thương quốc tế.
- Trong nước, tình hình kinh tế chung diễn ra còn nhiều khó khăn. Các lĩnh vực lớn như bất động sản và xây dựng gặp nhiều khó khăn. Kinh tế thế giới có nhiều biến động và phục hồi chậm. Do vậy việc xem xét cơ cấu chiến lược kinh doanh gặp nhiều khó khăn trong 3 quý đầu năm 2023.

2. Kết quả thực hiện:

Các chỉ tiêu chính kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-
4. Giá vốn hàng bán	-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	4.236.875	3.840.970.996
7. Chi phí tài chính	1.721.309	2.037.640.586
- Trong đó: Chi phí lãi vay	-	-
8. Chi phí bán hàng	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	706.756.670	796.854.371
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(704.241.104)	1.006.476.039
11. Thu nhập khác	3.078.980.120	575.874
12. Chi phí khác	703.173.806	3.500.000
13. Lợi nhuận khác	2.375.806.314	(2.924.126)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.671.565.210	1.003.551.913
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	474.947.803	280.113.991
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.196.617.407	723.437.922
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	152	92
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	152	92

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 và 2023

Năm 2023 Công ty tiếp tục chủ yếu thực hiện chiến lược kinh doanh dài hạn từ các năm trước trên cơ sở hợp tác kinh doanh dài hạn. Do vậy lợi nhuận chưa phản ánh vào hoạt động kinh doanh trong năm 2023. Trong giai đoạn nửa cuối năm 2023, Công ty đã từng bước chuyển dịch định hướng chiến lược kinh doanh sang ngành hàng tiêu dùng thực phẩm. Từng bước cơ cấu chuyển dịch sáng các hoạt động đầu tư và kinh doanh ngắn hạn hơn để đem lại hiệu quả và hạn chế rủi ro. Các hoạt động này sẽ làm nền móng phát triển cho công ty trong năm 2024.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và mục tiêu năm 2024

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2024:

Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh thực tế từ chiến lược kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công ty đề ra một số chỉ tiêu kinh doanh chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Doanh thu hợp nhất	396.000.000.000 đồng
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	21.328.000 đồng

2. Giải pháp thực hiện:

Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 trong điều kiện có nhiều yếu tố thuận lợi, khó khăn đan xen. Ban Tổng Giám đốc sẽ tiếp tục tập trung thực hiện tốt Nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông giao nhằm hướng tới mục tiêu trở thành nhóm công ty trong nhóm dẫn đầu về phân phối ngành hàng tiêu dùng thực phẩm trong nước. Trên cơ sở đó tập trung thực hiện các giải pháp chính như sau:

- Xây dựng và phát triển mạng lưới các kênh bán hàng Horeca, kênh siêu thị, kênh truyền thống. Từng bước phát triển các kênh bán hàng thương mại điện tử và trực tuyến.
- Xây dựng và đẩy mạnh chiến lược truyền thông và quảng bá tiếp thị. Đặc biệt là các chương trình marketing trực tuyến.
- Phát triển mở rộng với các nhà cung cấp nhằm đảm bảo đa dạng hóa nguồn hàng và ổn định nguồn hàng cung cấp đầu vào (ngoài đối tác chiến lược).
- Không ngừng cải tiến về mọi mặt, giữ uy tín và niềm tin với khách hàng. Chủ động tìm kiếm đối tác khách hàng, đặc biệt là các đối tác đem lại các đơn hàng có giá trị kinh tế cao và ổn định lâu dài;
- Ban lãnh đạo Công ty khẳng định, sẽ tiếp tục duy trì phương châm “Lấy khách hàng làm trọng tâm, trân trọng đối tác và đồng hành cùng đại lý”, phát huy những giá trị cốt lõi của Công ty.
- Thường xuyên theo dõi diễn biến trên thị trường, có kế hoạch dự phòng các rủi ro có thể xảy ra với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ 4.0 vào quản lý bán hàng và phát triển sản phẩm. Ứng dụng công nghệ 3D vào giới thiệu sản phẩm với khách hàng.
- Thường xuyên tổ chức đối thoại để nắm rõ và kịp thời tâm tư của người lao động nhằm có biện pháp ổn định tâm lý giúp người lao động yên tâm làm việc; Khuyến khích người lao động tích cực tham gia cải tiến, sáng kiến trong kinh doanh;
- Xây dựng đội ngũ quản lý cấp cao, không ngừng bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ điều hành, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động. Đưa ra những chính sách khen thưởng, chế độ phúc lợi thích hợp để kịp thời khuyến khích người lao động có thành tích tốt trong công việc gắn bó đồng hành cùng Công ty;
- Ổn định nguồn lao động, chăm lo, đảm bảo đời sống người lao động nhằm gắn kết tập thể cán bộ công nhân viên trong công ty, xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp, tạo cho mọi người đoàn kết, thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định đối với người lao động;
- Xây dựng các biện pháp kiểm soát chi phí hành chính theo hướng tiết giảm phù hợp với kế hoạch Công ty;
- Xây dựng hệ thống đánh giá KPIs của từng bộ phận để làm cơ sở điều chỉnh thu nhập, đề bạt, điều chuyển công tác, khen thưởng, được áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống;

- Tiếp tục chuyển đổi số và kiện toàn quản trị mạnh mẽ để tăng cường khả năng thực thi chiến lược, khai thác các giá trị kinh tế từ cả tích hợp và chuyên môn hóa trong ngành hàng.
- Nắm bắt thông tin thị trường và đánh giá đúng tình hình thực tiễn của Công ty để đưa ra các biện pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp với định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Trên đây là Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn./

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lã Giang Trung

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NĂM 2023 & KẾ HOẠCH NĂM 2024

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Hestia xin gửi tới Quý cổ đông báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và kế hoạch năm 2024 như sau :

I. Thành viên, cơ cấu và các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Thành viên và cơ cấu HĐQT

Cơ cấu HĐQT hiện gồm 4 thành viên, trong đó 2 thành viên không điều hành. HĐQT hoạt động trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của công ty. Theo dõi tình hình hoạt động của công ty để đưa ra những chỉ đạo và định hướng phù hợp, đồng thời kiểm soát việc thực thi của Ban Tổng Giám đốc để bảo vệ quyền lợi chung của công ty, cổ đông.

2. Các hoạt động của HĐQT năm 2023:

Trong năm 2023, HĐQT đã thực hiện công việc theo đúng quy định tại Điều lệ, các quy định và pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức thành công phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết Hội đồng quản trị.
- Giám sát việc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định pháp luật chuyên ngành liên quan đến hoạt động kinh doanh, Điều lệ công ty.
- Chỉ đạo và Giám sát Ban Tổng Giám Đốc trong việc thu hồi xong toàn bộ số tiền gốc cho 66 cổ đông còn nợ và thực hiện cơ cấu lại chiến lược kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Trong năm 2023, HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp để triển khai các công việc để triển khai các công tác điều hành trong phạm vi vai trò của Hội đồng quản trị.
- Số buổi họp của các thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2023 được tổng hợp như trong bảng cụ thể sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham gia
1	Ông Trần Đức Định	3/3	100%	Bỏ nhiệm ngày 20/11/2023

2	Ông Lã Giang Trung	8/9	89%	Bận công việc cá nhân
3	Ông Trần Thái Hiền	3/3	100%	Bổ nhiệm ngày 20/11/2023
4	Ông Nguyễn Tom (Thomas) Thanh	3/3	100%	Bổ nhiệm ngày 20/11/2023
5	Ông Lê Văn Việt	6/6	100%	Miễn nhiệm ngày 20/11/2023
6	Bà Trần Phương Dung	6/6	100%	Miễn nhiệm ngày 20/11/2023

3. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	03/2023/NQ-HĐQT	06/02/2023	Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023	100%
2	13/2023/NQ-HĐQT	23/08/2023	Thay đổi ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ bất thường 2023	100%
3	22/NQ-HĐQT/2023	16/10/2023	Lựa chọn công ty Kiểm toán để thực hiện dịch vụ Kiểm toán BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019,31/12/2020,31/12/2021,31/12/2022	100%
4	24/NQ-HĐQT/2023	23/10/2023	Gia hạn tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2023	100%
5	27/NQ-HĐQT/2023	15/11/2023	Nghị quyết HĐQT công ty cổ phần Hestia về việc thông qua sửa đổi bổ sung tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2023	100%
6	41/NQ-HĐQT/2023	20/11/2023	Đính chính tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2023	100%
7	45/NQ-HĐQT/2023	21/11/2023	Bầu chủ tịch HĐQT mới và thông qua thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật	100%
8	49/NQ-HĐQT/2023	05/12/2023	Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với Ông Đoàn Ngọc Hiệp, bổ nhiệm Kế	100%

			toán trưởng mới đối với Bà Nguyễn Thị Cảnh	
9	51/NQ-HĐQT/2023	27/12/2023	Nghị quyết HĐQT công ty cổ phần Hestia về việc thông qua đầu tư	100%

II. Đánh giá Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh công ty

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 với một số chỉ tiêu cơ bản sau:

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-
4. Giá vốn hàng bán	-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	4.236.875	3.840.970.996
7. Chi phí tài chính	1.721.309	2.037.640.586
- Trong đó: Chi phí lãi vay	-	-
8. Chi phí bán hàng	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	706.756.670	796.854.371
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(704.241.104)	1.006.476.039
11. Thu nhập khác	3.078.980.120	575.874
12. Chi phí khác	703.173.806	3.500.000
13. Lợi nhuận khác	2.375.806.314	(2.924.126)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.671.565.210	1.003.551.913
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	474.947.803	280.113.991
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.196.617.407	723.437.922
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	152	92
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	152	92

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 và 2023

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc công ty phải bám sát kế hoạch kinh doanh để tổ chức thực hiện trên tinh thần phát huy tối đa các cơ hội kinh doanh và nguồn lực của công ty. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc và Tập thể người lao động đã nỗ lực với tinh thần đoàn kết, vượt khó để đạt được các chỉ tiêu được giao.

Mặc dù kết quả lợi nhuận năm 2023 có sự tăng trưởng tốt so với năm 2022, tuy nhiên hiệu quả kinh doanh còn thấp, điều này xuất phát từ chiến lược phát triển trước đó của công ty theo hình thức hợp tác kinh doanh dài hạn. Mặc dù trong quý 4/2023 Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt điều chỉnh lại chiến lược kinh doanh, tuy nhiên quá trình triển khai cần có thời gian thực hiện. Đặc biệt là công tác thu hồi nguồn vốn hợp tác kinh doanh dài hạn và tiền cho cổ đông vay còn lại về để triển khai đầu tư, kinh doanh. Do vậy kết quả kinh doanh phản ánh đúng thực trạng kinh doanh của công ty.

III. Về triển khai Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong năm 2023

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 đã thông qua phương án phát hành 18.060.000 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên do các điều kiện chuẩn bị hồ sơ thủ tục và công ty đang ưu tiên triển khai kế hoạch kinh doanh theo chiến lược mới nên Hội đồng quản trị công ty chưa triển khai công tác phát hành hoàn tất kịp trong năm 2023 mà chuyển sang triển khai thực hiện trong năm 2024.

IV. Về triển khai nội dung thay đổi tên và địa chỉ trụ sở chính của công ty:

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 đã thông qua việc đổi tên và thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty. Việc đổi tên và thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty chưa thực hiện hoàn tất trong năm 2023 do Hội đồng quản trị xét thấy chưa phù hợp. Công việc này sẽ tiếp tục triển khai thực hiện trong năm 2024 tại thời điểm phù hợp.

V. Thù lao của Hội đồng quản trị

Căn cứ vào kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT năm 2023 đã được duyệt, Trong năm 2023, công ty không chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị.

VI. Báo cáo đánh giá về giao dịch liên quan của công ty:

Trong năm 2023 Công ty tiếp tục giao dịch với Tổng Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết năm 2019 và 2020.

VII. Đánh giá Hội đồng quản trị về mặt hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc:

- Trong năm 2023, HĐQT Công ty đã chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc. Nhìn chung công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT đề ra.
- Ban Tổng Giám đốc tiếp tục thực hiện theo chiến lược kinh doanh đã được đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua. Hiệu quả kinh doanh chưa đem lại kỳ vọng do đặc thù hoạt động hợp tác kinh doanh dài hạn.
- Ban Tổng Giám đốc tích cực triển khai kế hoạch thay đổi chiến lược kinh doanh điều chỉnh mới nhằm từng bước triển khai kịp thời.

VIII. Phương hướng trong năm 2024

Trên cơ sở định hướng chiến lược hoạt động kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hội đồng quản trị Công ty đề ra định hướng kế hoạch và giải pháp trọng tâm cho năm 2024 như sau:

1. Một số chỉ tiêu cơ bản:

- Doanh thu hợp nhất: 396.000.000.000 đồng.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 21.328.000.000 đồng.

2. Các nhiệm vụ giải pháp chính:

- Chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp để phân đầu hoàn thành tốt nhất các chỉ tiêu kế hoạch hoạch doanh.
- Duy trì tổ chức họp Hội đồng quản trị theo đúng định kỳ; thực hiện ngay các cuộc họp bất thường khi có yêu cầu để kịp thời ban hành các Nghị quyết, Quyết định theo thẩm quyền nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của Công ty giúp quá trình vận hành của doanh nghiệp phù hợp với quy định và thực tiễn kinh doanh.
- Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro pháp lý, kiểm soát nội bộ, chú trọng hoạt động quản trị doanh nghiệp nhằm đảm bảo Công ty phát triển bền vững.
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, mô hình hoạt động của công ty.
- Thực hiện mở rộng mạng lưới sản xuất thông qua hợp tác, M&A nhằm mở rộng chuỗi sản xuất kinh doanh ổn định nguồn hàng kinh doanh.
- Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hestia năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính chào!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Trần Đức Định

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA**

Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty Cổ phần Hestia và các quy định hiện hành; Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Báo cáo kiểm soát năm 2023 với nội dung như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2023:

1. Giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính:

Trong năm 2023, BKS đã thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát mang tính chất định kỳ Công ty, cụ thể:

- Tham gia góp ý xây dựng sửa đổi các quy chế, điều lệ của Công ty.
- Tham gia thẩm định tài liệu, chương trình, kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 và bất thường 2023.
- Giám sát thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính trong năm 2023.
- Thẩm định Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023.
- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT, Ban điều hành.

2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát

Năm 2023 các thành viên Ban kiểm soát không nhận thù lao và các chi phí hoạt động có liên quan.

3. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2023 Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp để triển khai các công việc cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ của BKS. Các cuộc họp của BKS được tổ chức theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.

4. Đánh giá về giao dịch giữa công ty với người nội

Trong năm 2023, Công ty có tiến hành giao dịch giải ngân hợp tác kinh doanh với người nội bộ là Ông Lê Giang Trung – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty. Các giao dịch này được thực hiện theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh đã được ký kết từ năm 2019 và năm 2020.

5. Kết quả giám sát với Hội đồng quản trị

- Trong năm 2023 HĐQT đã ban hành 9 Nghị Quyết để chỉ đạo và quản lý hoạt động của Công ty. Các Nghị quyết ban hành đều tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ của Công ty.

- HĐQT đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định; Hoạt động của HĐQT; Các cuộc họp HĐQT, ban hành các Nghị quyết, Quyết định... đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật,

Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan. HĐQT thường xuyên giám sát Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ.

- HĐQT đã chỉ đạo và giám sát Tổng Giám đốc trong việc: tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023; Xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2023.

- HĐQT đã quyết liệt trong công tác tìm kiếm các cơ hội đầu tư kinh doanh nhằm thực hiện điều chỉnh chiến lược kinh doanh trình đại hội đồng cổ đông thông qua. Trên cơ sở đó thực hiện quyết liệt triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Kết quả giám sát với Ban điều hành

- Thông qua các Quyết định của HĐQT, BKS đã kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai các Quyết định, và Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông trong năm 2023.

- Trong năm 2023, BKS nhận thấy Ban điều hành đã phối hợp chặt chẽ với các phòng ban để xử lý, hoàn thành công việc theo kế hoạch một cách đầy đủ và nghiêm túc. Bên cạnh đó với tinh thần đoàn kết của Ban điều hành với các phòng ban đã giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra một cách thuận lợi.

7. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Trong năm 2023, BKS nhận thấy mặc dù tình hình còn nhiều khó khăn nhưng Công ty đã luôn duy trì tinh thần làm việc cao độ. Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các phòng ban luôn tích cực phối hợp và tạo điều kiện để BKS hoàn thành đúng chức năng và nhiệm vụ theo quy định.

I. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kế hoạch hoạt động năm 2024:

Trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tổ chức xây dựng, hoàn thiện các báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty quy định.

- Xây dựng và tổ chức triển khai có hiệu quả kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024.
- Giám sát tình hình và kết quả thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT.
- Giám sát việc thực hiện Kế hoạch kinh doanh năm 2024 được ĐHĐCĐ thông qua.
- Giám sát việc rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, ban hành các quy định quản trị nội bộ của Công ty.

- Tổ chức thực hiện phân tích, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh, công tác quản trị năm 2024 và định kỳ năm 2024; Thẩm định, phân tích báo cáo tài chính định kỳ theo quy định.

- Tham gia thực hiện các công việc khác có liên quan.

Trường hợp Công ty thay đổi mô hình hoạt động (không còn Ban kiểm soát) và được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban kiểm soát hoạt động các nội dung công việc theo kế hoạch tới thời điểm công ty chính thức chấm dứt hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Đề xuất và kiến nghị:

Trên cơ sở tình hình thực tế năm 2023, Ban Kiểm soát có kiến nghị với Hội đồng quản trị và Ban điều hành một số nội dung như sau:

- Tiếp tục thực hiện rà soát và thực hiện tuân thủ các quy định nghĩa vụ của Công ty đại chúng trong việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin đúng quy định và tuân thủ quy chế quản trị công ty.

- Công tác tổ chức kinh doanh, bán hàng, marketing, chăm sóc khách hàng cần tiếp tục được nâng cao, cải thiện, đặc biệt đối với khách hàng, khách hàng bán buôn, cấp lẻ toàn quốc, xây dựng các chính sách chăm sóc khách hàng, chính sách phát triển các kênh bán hàng đồng bộ, toàn diện.

- Ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến để phục vụ công tác quản lý, quản trị, giám sát hàng hoá ở tất cả các khâu từ công tác tạo nguồn, lưu kho, điều động/vận tải nội bộ, đến công tác bán hàng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; Rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn, vốn hợp tác kinh doanh và các đơn hàng đã ký kết.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện thành công nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Thực hiện rà soát các quy chế, quy định của Công ty để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ và tình hình hoạt động hiện tại của Công ty.

- Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn cho đội ngũ CBCNV, nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý.

Trên đây là nội dung Báo cáo của Ban kiểm soát, kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

Đỗ Thị Hằng

TỜ TRÌNH

(V/v thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Hestia;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hestia kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC MOORE AISC.

Báo cáo tài chính năm 2023 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Một số chỉ tiêu chính như sau:

(Đơn vị tính: VNĐ)

Nội Dung	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu thuần	-	-
Lợi nhuận sau thuế	1.196.617.407	723.437.922
Tổng tài sản	287.488.292.697	287.574.891.613
Vốn chủ sở hữu	287.479.707.890	286.283.090.483
Vốn cổ phần	78.727.270.000	78.727.270.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Đức Định

Số:02/2024/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024;
phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch năm 2024;
chi trả thù lao HĐQT năm 2023 và đề xuất mức thù lao năm 2024

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Hestia.

I. Việc chọn công ty kiểm toán độc lập như sau:

- Căn cứ vào công bố danh sách các công ty kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán cho các Công ty đại chúng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh, minh bạch tài chính, kiểm soát rủi ro và mang lại giá trị cho các bên liên quan.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Hestia kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một Công ty kiểm toán trong danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận từ Ủy ban chứng khoán nhà nước để thực hiện soát xét để kiểm toán Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2024 của Công ty Cổ phần Hestia.

II. Phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc không trích lập quỹ và không chia cổ tức năm 2023 và năm 2024 theo quy định.

III. Báo cáo thù lao đã chi năm 2023 và đề xuất thù lao năm 2024 của HĐQT, Ban Kiểm soát

1/ Báo cáo tình hình chi trả thù lao năm 2023:

Trong năm 2023 tất cả Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát đều không nhận thù lao.

2/ Đề xuất thù lao HĐQT năm 2024:

Dựa trên các công việc thực hiện, HĐQT đề xuất mức thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2024 như sau:

🚧 Thù lao Ban kiểm soát năm 2024: Không chi trả thù lao Ban kiểm soát trong thời gian hoạt động thực tế năm 2024 tới thời điểm Đại hội đồng cổ đông thông qua chuyển đổi mô hình hoạt động công ty sang mô hình mới không có Ban kiểm soát và miễn nhiệm toàn bộ các thành viên Ban kiểm soát.

🚧 Thù lao Hội đồng quản trị năm 2024:

- Không chi trả thù lao Hội đồng quản trị 6 tháng đầu năm 2024.
- Thù lao Hội đồng quản trị 6 tháng cuối năm 2024 như sau:
 - + Chủ tịch HĐQT: 10.000.000 đồng/tháng.
 - + Thành viên HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng.
 - + Thành viên HĐQT kiêm chủ tịch Ủy ban kiểm toán: 8.000.000 đồng/tháng.
 - + Thành viên HĐQT kiêm thành viên Ủy ban kiểm toán: 6.000.000 đồng/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Trần Đức Định

TỜ TRÌNH

V/v : Thay đổi mô hình tổ chức quản trị Công ty Cổ phần Hestia

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Hestia.

Căn cứ quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu thực tế quản trị công ty của Công ty Cổ phần Hestia, Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc thay đổi mô hình tổ chức quản trị công ty như sau:

1. Đề xuất thay đổi mô hình tổ chức quản trị:

Hiện tại, Công ty được tổ chức quản trị và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a Khoản 1, Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020, bao gồm: a) Đại hội đồng cổ đông, b) Ban kiểm soát, c) Hội đồng Quản trị, và d) Tổng Giám đốc.

HĐQT đề xuất thay đổi mô hình tổ chức quản trị mới nhằm tăng cường công tác kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro đồng thời áp dụng các chuẩn mực quản trị theo thông lệ tốt nhất trên thế giới. Cơ cấu tổ chức quản trị và hoạt động mới áp dụng mô hình được quy định tại điểm b Khoản 1, Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020, bao gồm: a) Đại hội đồng cổ đông, b) Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT, và c) Tổng Giám đốc.

Theo mô hình tổ chức quản trị mới, Công ty phải đảm bảo ít nhất 01 thành viên độc lập HĐQT, Ủy ban Kiểm toán có tối thiểu 02 thành viên, trong đó Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán là thành viên độc lập HĐQT và các thành viên còn lại là thành viên HĐQT không điều hành.

Đại hội đồng cổ đông giao cho HĐQT: tổ chức triển khai mô hình quản trị và hoạt động mới của Công ty sau khi Đại hội đồng cổ đông phê duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Thành lập Ủy ban kiểm toán, ban hành quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán, và bổ nhiệm các nhân sự theo quy định.

2. Đề xuất miễn nhiệm kiểm soát viên của Công ty:

Căn cứ vào đề xuất thay đổi mô hình tổ chức quản trị nêu tại Mục 1 của Tờ trình này, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc miễn nhiệm toàn bộ thành viên Ban kiểm soát Công ty, bao gồm các cá nhân có tên dưới đây, kể từ ngày

Đại hội đồng cổ đông phê duyệt đề xuất thay đổi mô hình tổ chức quản trị Công ty nêu tại Tờ trình này:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đỗ Thị Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Lại Anh Đức	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Thanh Giang	Thành viên Ban Kiểm soát

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Đức Định

TỜ TRÌNH

V/v : Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty Cổ phần Hestia ;
- Tham khảo Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính;

Hiện Công ty được tổ chức quản trị và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a Khoản 1, Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020, bao gồm: a) Đại hội đồng cổ đông, b) Ban kiểm soát, c) Hội đồng Quản trị, và d) Tổng Giám đốc. Và tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 HĐQT đề xuất thay đổi mô hình tổ chức quản trị mới nhằm tăng cường công tác kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro đồng thời áp dụng các chuẩn mực quản trị theo thông lệ tốt nhất trên thế giới. Cơ cấu tổ chức quản trị và hoạt động mới áp dụng mô hình được quy định tại điểm b Khoản 1, Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020, bao gồm: a) Đại hội đồng cổ đông, b) Hội đồng Quản trị và Ủy quan Kiểm toán trực thuộc HĐQT, và c) Tổng Giám đốc. Do vậy, điều lệ Công ty cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Điều lệ mới của Công ty. Điều lệ mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày 29/6/2024 và thay thế cho bản Điều lệ hiện hành. Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành điều lệ mới. Kèm theo là bản dự thảo điều lệ

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Trần Đức Định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2024

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ... ngày 29 tháng 6 năm 2024.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e) Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f) Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- h) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- i) Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- j) Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- k) Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- l) Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- m) Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- n) Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA
 - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HESTIA JOINT STOCK COMPANY
 - Tên Công ty viết tắt: HSA
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14 tòa nhà Zen Tower, Số 12 đường Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
 - Điện thoại: 0243 537 9671
 - Website: <http://www.hestia.vn>
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- Việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông quyết định và được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật
5. Trừ trường hợp Công ty bị giải thể, phá sản, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Việc chấm dứt trước thời hạn hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có hai (02) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	Trồng cây hàng năm khác	0119	
2	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128	
3	Trồng cây ăn quả	0121	

4	Trồng cây lâu năm khác	0129	
5	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131	
6	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141	
7	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145	
8	Chăn nuôi gia cầm	0146	
9	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150	
10	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161	
11	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163	
12	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164	
13	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210	
14	Khai thác gỗ	0220	
15	Nuôi trồng thủy sản biển	0321	
16	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322	
17	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010	
18	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020	
19	Chế biến và bảo quản rau quả	1030	
20	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040	
21	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075	
22	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100	
23	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631	
24	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn lương thực, thực phẩm công nghệ chế biến; Bán buôn hàng thủy sản, bán buôn bánh kẹo (không hoạt động tại trụ sở)	4632	x
25	Bán buôn đồ uống	4633	
26	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn hàng nông sản (không hoạt động tại trụ sở)	4620	
27	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719	
28	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722	
29	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210	
30	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810	
31	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, chứng khoán);	6619	
32	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Tư vấn bất động sản;	6820	
33	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Cung cấp tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với nhà kinh doanh và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý: Lập chiến lược và kế hoạch hoạt động, ra quyết định tài chính, mục tiêu và chính sách thị trường, chính	7020	

	sách nguồn nhân lực, thực thi và kế hoạch; chương trình sản xuất và kế hoạch điều khiển.		
--	--	--	--

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- a) Không ngừng nâng cao lợi ích của Công ty, các cổ đông và người lao động, Tăng tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- b) Không ngừng thay đổi phương thức quản lý, phát triển các hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty nhằm nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, phát triển Công ty ngày một lớn mạnh và bền vững.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

- a) Công ty được kinh doanh những ngành nghề đã đăng ký, thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh và đã được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
- b) Ngoài các ngành nghề đã đăng ký kinh doanh nêu trên, trong quá trình hoạt động, Công ty được quyền bổ sung thêm các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm, có lợi cho Công ty và các cổ đông.
- c) Việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 78.727.270.000 đồng (Bảy mươi tám tỷ bảy trăm hai mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 7.872.727 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị
3. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu HĐQT kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến

ngợi phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định pháp luật và phù hợp với Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
 2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị độc lập còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

c) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty ;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp

thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự

định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự hoặc tiếp tục tham dự đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay

thể chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định].
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

- c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ít nhất là ba người và nhiều nhất là 11 người. Số lượng thành viên HĐQT của từng nhiệm kỳ HĐQT sẽ do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo ít nhất 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội

đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì.

Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định pháp luật.

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc), Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đề hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, [Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị].
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết.

Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
 - c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
 - d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
 - e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
 - g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cân trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của

pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42 Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hằng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Hội đồng quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Hestia nhất trí thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2024 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Bản Điều lệ này thay thế cho bản Điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Hestia thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2023
3. Điều lệ được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật Công ty hoặc được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA
CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Đức Định

DỰ THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 06 /2024/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2024

TỜ TRÌNH

(V/v : Về thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Hestia.

Nhằm cập nhật các quy định mới của Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật Chứng khoán năm 2019; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020; mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty, được ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và căn cứ tình hình thực tế trong tổ chức, hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Hestia theo dự thảo Quy chế đính kèm.

Trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT tiến hành ký và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Hestia phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Trần Đức Định



Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2024

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA (HSA)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành ("**Luật Doanh Nghiệp**");
- Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành ("**Luật Chứng Khoán**");
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Hestia ("**Điều Lệ**");
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") số 01/2024/ĐHĐCĐ/HAS ngày 29/6/2024.

Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Hestia "**Công Ty**").

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy Chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**"), HĐQT, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp ĐHCĐ; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều Lệ và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy Chế này được áp dụng cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty. ĐHCĐ có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều Điều Lệ.

2. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

I. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ

- a. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- b. Hoặc bất thường trong các trường hợp sau:
 - HĐQT thấy cần thiết cho các lợi ích của Công ty. Có thể là trường hợp mà các kiểm toán viên cho rằng cần phải họp để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc tình hình tài chính của Công ty và thông báo với HĐQT;
 - Bảng cân đối tài chính hàng năm, báo cáo quý, báo cáo sáu (6) tháng, hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã mất đi một nửa (1/2) so với đầu kỳ;
 - Khi số lượng thành viên HĐQT, ít hơn số lượng quy định bởi Pháp luật hoặc số lượng HĐQT ít hơn một nửa (1/2) số lượng quy định tại Điều lệ này;
 - Một Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nêu tại Khoản 3 Điều 10 Điều Lệ yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan
 - Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ.

II. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp

- Công Ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi ngày (20) trước ngày đăng ký cuối cùng trên website của Công ty, hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán.

III. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

- Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ (thư mời họp ĐHĐCĐ) phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền tham dự họp chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
- Thư mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty.

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, phiếu biểu quyết được gửi cho các cổ đông kèm Thư mời họp hoặc đăng trên website của Công Ty (với điều kiện trong Thư mời họp phải ghi rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận).
- Các Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông như quy định tại Khoản 3, Điều 10 Điều lệ Công ty có quyền đề nghị các vấn đề cần được đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề nghị phải được làm thành văn bản và gửi tới Công ty ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Đề nghị phải có tên của Cổ đông, số lượng và loại Cổ phần nắm giữ, và các vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối các đề nghị theo Khoản 4 của Điều này nếu:
 - ✓ Đề nghị không được gửi đến đúng hạn;
 - ✓ Đề nghị không bao gồm các thông tin được yêu cầu, và
 - ✓ Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ để thảo luận và thông qua nghị quyết.
 - ✓ Vào thời điểm đề nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông;

IV. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ

- Cổ đông có thể ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp ĐHĐCĐ (sau đây gọi tắt là “**Người được ủy quyền dự họp**”). Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công Ty đính kèm Thư mời họp.
 - ☐ Trường hợp Cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - ☐ Trường hợp người Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người Đại Diện Theo Ủy Quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

V. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

- Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp có thể đăng ký tham dự qua thư điện tử, nhưng vẫn phải mang theo và xuất trình Thư mời họp, giấy tờ tùy thân, giấy ủy quyền và các giấy tờ liên quan cần thiết để đăng ký tại Đại Hội.
- Cổ Đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký.

VI. Điều kiện tiến hành

- Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.
Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ Đông và những đại diện ủy quyền dự họp đại diện cho từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- Trường hợp ĐHĐCĐ lần thứ hai không được tiến hành do không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 trên đây, ĐHĐCĐ lần thứ ba phải được triệu tập lại trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ hai và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ Đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

VII. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ

ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.

1. Cách thức bỏ phiếu

- Trừ khi có quy định khác, khi tiến hành đăng ký tham dự ĐHĐCĐ, Công ty cấp thẻ biểu quyết cho từng cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết (thẻ biểu quyết có thể bằng giấy hoặc bằng hình thức điện tử khác), trên đó có ghi số đăng ký/mã số, họ và tên của cổ đông, họ và tên Người được ủy quyền dự họp (nếu có) và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
- Nội dung của thẻ biểu quyết tùy thuộc vào nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ. Hình thức và nội dung của thẻ biểu quyết theo quy định tại quy chế làm việc và biểu quyết.
- Khi tiến hành biểu quyết tại Đại Hội, cổ đông thực hiện biểu quyết trên thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.
- Cổ đông bỏ các thẻ biểu quyết vào thùng phiếu được niêm phong hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.
- Công ty sẽ nỗ lực ghi nhận các ý kiến phát biểu, biểu quyết của cổ đông thông qua phương tiện điện tử (nếu có thể) và/hoặc biểu quyết trực tiếp tại Đại Hội. Thẻ biểu quyết điện tử có giá trị tương đương với cách thức biểu quyết trực tiếp tại Đại Hội.
- Đối với các nội dung biểu quyết được Đại Hội quyết định biểu quyết công khai: Ban Tổ chức sẽ phát thẻ biểu quyết riêng cho các nội dung này để các cổ đông/Người được ủy quyền thực hiện biểu quyết công khai theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.

2. Cách thức kiểm phiếu

- Đại Hội bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Ban kiểm phiếu có thể quyết định bộ phận giúp việc cho mình.

- Đối với trường hợp bỏ phiếu từ xa, Ban kiểm phiếu phải kiểm tra tình trạng niêm phong, tính đầy đủ của hồ sơ gửi kèm. Thẻ biểu quyết từ xa được tổng hợp cùng với các thẻ biểu quyết được phát trực tiếp tại Đại Hội.
- Các tình trạng “đồng ý/tán thành”, “không đồng ý/phản đối”, “không có ý kiến” sẽ được tổng hợp riêng. Tổng kết quả của từng tình trạng sẽ được chia cho tổng số quyền biểu quyết phát ra tại khâu đăng ký để xác định tỷ lệ phần trăm của từng tình trạng.
Công ty sẽ nỗ lực trong việc áp dụng việc kiểm phiếu bằng phần mềm điện tử, mã vạch nhân dạng để phòng tránh sai sót.
- Ban kiểm phiếu sẽ có nhân sự giám sát quá trình biểu quyết và kết quả kiểm phiếu. Tất cả thành viên Ban kiểm phiếu sẽ ký xác nhận kết quả.

3. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua

- a. Trừ trường hợp tại khoản 3 (b), 3 (c) và 3 (d) Điều này, các quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi có từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc Người được uỷ quyền dự họp tại cuộc họp ĐHĐCĐ tán thành.
- b. Việc bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo hình thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí tại quy chế bầu cử.
- c. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến các vấn đề dưới đây chỉ được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc Người được uỷ quyền dự họp tại cuộc họp ĐHĐCĐ tán thành hoặc có từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết tán thành đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
 - (i) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - (ii) Thay đổi tên Công Ty;
 - (iii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh chính của Công Ty;
 - (iv) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;
 - (v) Tổ chức lại hay giải thể Công Ty;
 - (vi) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- d. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán

thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

4. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Trưởng Ban kiểm phiếu sẽ đọc kết quả kiểm phiếu sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu.
5. Cách thời hạn hai mươi tư (24) giờ ĐHĐCĐ
 - Trong trường hợp cổ đông phản đối quyết định của ĐHĐCĐ thì cổ đông đó phải thực hiện bằng hình thức văn bản, ghi rõ họ tên và mã số dự ĐHĐCĐ và nội dung, lý do về việc phản đối.
 - Văn bản phản đối sẽ được chuyển đến thư ký Đại Hội để ghi nhận.
 - Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty và/hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều Lệ có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công Ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều Lệ.
6. Lập biên họp ĐHĐCĐ
 - Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản, hoặc ghi âm và được lưu giữ dưới các hình thức điện tử khác nhau. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng tiếng Anh với các nội dung chủ yếu sau đây:
 - ☐ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ☐ Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - ☐ Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - ☐ Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - ☐ Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại Hội về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - ☐ Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - ☐ Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - ☐ các nội dung khác theo quy định của luật doanh nghiệp
 - Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

- Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 - Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm được thông qua.
 - Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
 - Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông, người được ủy quyền đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
7. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ
 Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Trừ việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.

2. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
 - Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo Điều 24 của Điều Lệ sau khi có nghị quyết của HĐQT.
 - Trong trường hợp này, HĐQT sẽ thành lập Ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu tối thiểu bao gồm: chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT độc lập và một thành viên Ban Thư ký. Trong đó, Chủ tịch HĐQT là Trưởng Ban kiểm phiếu.
 - Việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu phải dưới sự chứng kiến của Ủy Ban Kiểm Toán hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định tại Điều 29 Điều Lệ.
2. Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT được quy định cụ thể trong Quy Chế hoạt động của HĐQT và bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT;
- Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT;
- Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT;
- Cách thức bầu thành viên HĐQT;
- Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT;
- Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT;
- Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT

Thù lao HĐQT được ĐHCĐ phê chuẩn hàng năm phù hợp với quy định tại Điều Lệ. HĐQT quy định chi tiết về thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT trong Quy Chế hoạt động của HĐQT.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT được quy định cụ thể trong Quy Chế hoạt động của HĐQT và bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm;
- Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường;
- Thông báo họp HĐQT (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định);
- Điều kiện tổ chức họp HĐQT;
- Cách thức biểu quyết;
- Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT;
- Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT;
- Lập biên bản họp HĐQT;
- Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp HĐQT;
- Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT.

5. Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT

I. Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT (sau đây gọi tắt là Ủy ban kiểm toán) có chức năng hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm giám sát các vấn đề liên quan đến:

- ☐ Báo cáo tài chính;
- ☐ Chức năng kiểm toán nội bộ;
- ☐ Dịch vụ Kiểm toán độc lập;
- ☐ Kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
- ☐ Các vấn đề về tuân thủ.

II. Quyền hạn: Căn cứ trên Điều Lệ và quy định pháp luật hiện hành, Ủy ban kiểm toán được quyền thực hiện hoặc yêu cầu thực hiện tất cả các công việc sau:

- Tiến hành kiểm tra và báo cáo giải trình về những vấn đề được HĐQT và/hoặc cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu theo quy định của pháp luật;
- Đề xuất lựa chọn Công Ty Kiểm toán độc lập, mức phí dịch vụ kiểm toán để HĐQT quyết định hoặc trình ĐHĐCĐ theo thẩm quyền;
- Trên cơ sở thống nhất với Tổng Giám đốc, phê chuẩn việc tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ;
- Phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm;
- Tiếp cận không hạn chế các thông tin (tài liệu, số liệu, báo cáo...) và cá nhân liên quan trong phạm vi thực hiện trách nhiệm được giao;
- Tiếp xúc với Ban điều hành để trao đổi hoặc khuyến nghị các vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Tiểu ban;
- Yêu cầu dịch vụ tư vấn bên ngoài hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ được giao.

III. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban kiểm toán:

- Ủy ban kiểm toán có ít nhất hai (02) thành viên được HĐQT chỉ định trong số các thành viên HĐQT với nhiệm kỳ trùng với nhiệm kỳ của HĐQT. Trong mọi trường hợp, nhiệm kỳ thành viên kết thúc cùng với kết thúc nhiệm kỳ HĐQT.
- Ít nhất có một (1) thành viên có bằng cấp, chứng chỉ hoặc kinh nghiệm liên quan đến tài chính, kế toán hoặc kiểm toán.
- Chủ tịch Ủy ban kiểm toán là thành viên HĐQT độc lập được HĐQT chỉ định.
- Tùy theo nhu cầu, theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Ủy ban kiểm toán, HĐQT có thể bổ nhiệm thành viên Ủy ban kiểm toán không phải là thành viên HĐQT.
- Thư ký Ủy ban kiểm toán cũng là Thư ký Công Ty hoặc là người được HĐQT bổ nhiệm.

IV. Cơ chế làm việc:

- Thành viên thuộc Ủy ban kiểm toán có thể được phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực cụ thể và phải chịu trách nhiệm về công việc được giao. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phân công công việc cho các thành viên của Ủy ban kiểm toán

dựa trên năng lực, kinh nghiệm chuyên môn của mỗi thành viên và kế hoạch hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

- Chủ tịch Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm lập kế hoạch hoạt động quý, năm; tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch.
- Thành viên HĐQT điều hành thuộc Ủy ban kiểm toán (nếu có) không tham gia ý kiến đánh giá hoặc biểu quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực điều hành do chính thành viên đó phụ trách.
- Ủy ban kiểm toán làm việc theo cơ chế biểu quyết theo đa số. Trường hợp một vấn đề có số biểu quyết ngang nhau thì biểu quyết bên có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán sẽ là ý kiến quyết định;
- Quy định về các cuộc họp:

- ☐ Về nguyên tắc, chỉ thành viên Ủy ban kiểm toán mới được tham dự các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán. Tuy nhiên, Ủy ban kiểm toán có thể mời các nhân sự khác tham gia cuộc họp (chẳng hạn như thành viên thuộc Ban điều hành, trưởng quản lý rủi ro, Trưởng Ban kiểm toán nội bộ hoặc lãnh đạo Kiểm toán độc lập...) nếu thấy cần thiết.
- ☐ Các cuộc họp được tổ chức không ít hơn bốn (4) lần mỗi năm và phù hợp với chu kỳ báo cáo tài chính của Công Ty.
- ☐ Chủ tịch Ủy ban kiểm toán triệu tập cuộc họp hoặc trao đổi riêng với từng thành viên trong Ủy ban kiểm toán để thảo luận về các chủ đề riêng biệt.
- ☐ Tùy theo công việc được phân công, thành viên Ủy ban kiểm toán có thể yêu cầu họp riêng với các thành viên trong ban điều hành. Trong trường hợp này, thành viên Ủy ban kiểm toán đó cần thông báo về kết quả cuộc họp cho Chủ tịch Ủy ban kiểm toán để tổng hợp, theo dõi.
- ☐ Tùy theo nội dung và điều kiện thực tế, các cuộc họp và thảo luận có thể được thực hiện thông qua các tiếp xúc trực tiếp, video conference, conference call hoặc qua email, chat messenger.
- ☐ Thư ký Công ty hỗ trợ các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán:
 - (i) Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức cuộc họp;
 - (ii) Gửi lịch họp và tài liệu họp cho các thành viên Tiểu ban trong thời hạn hợp lý trước mỗi cuộc họp;
 - (iii) Ghi biên bản cuộc họp.
 - (iv) Ra nghị quyết cuộc họp (nếu có).

V. Trách nhiệm: Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm đối với các lĩnh vực sau đây:

a. Báo cáo tài chính:

- Xem xét báo cáo tài chính quý, bán niên, năm trước khi Tổng giám đốc trình HĐQT, ĐHĐCĐ hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật; có ý kiến về

tính trung thực, minh bạch và tính phù hợp của báo cáo tài chính với Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật hiện hành;

- Xem xét những vấn đề trọng yếu về kế toán và báo cáo tài chính; ảnh hưởng của các quy định pháp luật về kế toán, tài chính đối với báo cáo tài chính Công Ty;
- Thảo luận và xem xét kết quả kiểm toán báo cáo tài chính cùng với giám đốc tài chính, kế toán trưởng và Kiểm toán độc lập;
- Xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập; có ý kiến với Ban điều hành đối với những phát hiện, khuyến nghị trọng yếu và kế hoạch thực hiện liên quan.
- Theo dõi, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập báo cáo kế toán, báo cáo tài chính.

b. Kiểm toán nội bộ:

- Quản lý và giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ được quy định như sau:
Tổng giám đốc quản lý hoạt động kiểm toán nội bộ về mặt hành chính thông qua việc:

- ☐ Quản lý hoạt động hàng ngày của Kiểm toán nội bộ;
- ☐ Đảm bảo các điều kiện hoạt động của kiểm toán nội bộ;
- ☐ Hỗ trợ mức cao nhất để Kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ;
- ☐ Đề xuất cơ cấu bộ máy, nhân sự, ngân sách cho kiểm toán nội bộ;
- ☐ Đề xuất tuyển dụng, bổ nhiệm, mức lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ đối với

Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ.

- Đánh giá định kỳ hàng năm hiệu quả của tổ chức Kiểm toán độc lập để đề trình lên ĐHĐCĐ chỉ định, chỉ định lại hoặc loại bỏ tổ chức kiểm toán;
- Quyết định mức phí dịch vụ kiểm toán và dịch vụ tư vấn kiểm toán khác (nếu có);
- Đánh giá, đảm bảo không có xung đột lợi ích giữa dịch vụ kiểm toán và dịch vụ tư vấn kiểm toán khác (nếu có) do đơn vị Kiểm toán độc lập cung cấp;
- Xem xét kế hoạch kiểm toán do đơn vị Kiểm toán độc lập đề xuất, bao gồm: phạm vi kiểm toán, thời gian kiểm toán, phương pháp & công cụ kiểm toán, đội ngũ kiểm toán; sự phối hợp với kiểm toán nội bộ (nếu có);
- Định kỳ hoặc đột xuất, Ủy ban kiểm toán và Kiểm toán độc lập tiến hành thảo luận các vấn đề mà Tiểu ban hoặc Kiểm toán độc lập thấy cần thiết.

c. Kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro:

- Giám sát, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro (including: văn hóa, khuôn khổ, chính sách, quy trình, báo cáo, theo dõi...);

- Xem xét báo cáo Kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ; đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro (trong đó có các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính và công nghệ thông tin), lưu ý các phát hiện, khuyến nghị của kiểm toán và phản hồi từ Ban điều hành.
 - Định kỳ hoặc đột xuất, Ủy ban kiểm toán và Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ và/hoặc Trưởng Quản lý rủi ro tiến hành thảo luận các vấn đề mà Tiểu ban thấy cần thiết.
- d. Tuân thủ:
- Theo dõi tính hiệu quả các hoạt động, giải pháp đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp;
 - Thảo luận với CEO và/hoặc thành viên Ban điều hành về các biện pháp phòng chống gian lận, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm pháp luật;
 - Xem xét kết quả, báo cáo (định kỳ hoặc đột xuất) về điều tra các vi phạm, gian lận do Ban điều hành tiến hành; theo dõi khắc phục sau kết luận điều tra.
- e. Trách nhiệm báo cáo, trao đổi thông tin:
- Hàng quý, năm, Tiểu ban có trách nhiệm báo cáo HĐQT về hoạt động của Tiểu ban, các vấn đề trọng tâm cần giải quyết và các đề xuất liên quan;
 - Báo cáo giải trình về những vấn đề được HĐQT và / hoặc cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu theo quy định của pháp luật;
 - Hàng năm thực hiện báo cáo ĐHCĐ về hoạt động của Tiểu ban theo quy định của pháp luật;
 - Duy trì liên lạc thường xuyên giữa các thành viên trong Tiểu ban; giữa Tiểu ban với kiểm toán nội bộ, Kiểm toán độc lập và HĐQT;

6. Tiểu ban chiến lược trực thuộc HĐQT

- Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.
- Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.

7. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được thực hiện theo quy định.

Điều 4. Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Tổng Giám đốc thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều Lệ.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

a. Trình tự, thủ tục:

- ☐ HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc người không là thành viên HĐQT làm Tổng Giám đốc
- ☐ Người đề cử đưa ra ý kiến đánh giá bằng văn bản đối với các đề cử (nếu có);

b. Bổ nhiệm:

- ☐ HĐQT tổ chức họp để biểu quyết thông qua vị trí Tổng Giám đốc.
- ☐ Việc bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc sẽ được thể hiện bằng nghị quyết/quyết định của HĐQT.

c. Ký hợp đồng lao động:

- ☐ Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định.
- ☐ Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký kết hợp đồng lao động của Tổng Giám Đốc.

d. Miễn nhiệm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- ☐ Do kết thúc thời hạn trong hợp đồng lao động;
- ☐ Nghỉ hưu và không có nhu cầu gia hạn/tái ký hợp đồng;
- ☐ Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- ☐ Các trường hợp khác nếu HĐQT xét thấy cần thiết.

e. Bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- ☐ Không hoàn thành nhiệm vụ và công việc được giao;
- ☐ Vi phạm pháp luật;

f. Thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm

- ☐ HĐQT sẽ họp để thông qua việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc.
- ☐ Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm sẽ được thể hiện bằng nghị quyết/quyết định của HĐQT.

g. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật, Điều Lệ, Tổng Giám đốc còn phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- ☐ Chiếm được lòng tin của các cổ đông, các cấp quản lý và nhân viên trong Công Ty, có đức tính trung thực, nhiệt tình và có uy tín;
- ☐ Có chuyên môn, bằng cấp và các kỹ năng tổ chức phù hợp, khả năng gắn kết lợi ích của tất cả các bên liên quan và đưa ra các quyết định hợp lý;
- ☐ Có kinh nghiệm kinh doanh, có kiến thức tốt về kinh tế, chính trị, pháp luật và các vấn đề xã hội cũng như kiến thức và xu hướng thị trường, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh;
- ☐ Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp áp dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty;

4. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc sẽ do HĐQT quyết định.

Điều 5. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng Giám đốc

a. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT và Tổng Giám đốc được thực hiện như triệu tập họp HĐQT theo quy định tại khoản Điều 3 Quy Chế này.

Trong trường hợp Tổng Giám đốc là thành viên HĐQT thì nội dung họp giữa HĐQT và Tổng Giám đốc được tích hợp trong chương trình họp HĐQT. Nếu Tổng Giám đốc không phải là thành viên HĐQT, các cuộc họp sẽ được tổ chức riêng, biên bản các cuộc họp sẽ được lập riêng.

b. Các trường hợp Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

- ☐ Xung đột quyền, nghĩa vụ giữa HĐQT và Tổng Giám đốc
- ☐ Khủng hoảng mà việc xử lý vượt quá thẩm quyền của Tổng Giám đốc
- ☐ Các giao dịch mà Tổng Giám đốc là một bên liên quan;

- Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các nghị quyết/quyết định của HĐQT;
 - Các nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền của HĐQT đối với Tổng Giám đốc;
- c. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao
- Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT là một phần trong chương trình họp HĐQT.
 - Nội dung báo cáo bao gồm:
 - Thành tích chung của Công Ty, đặc biệt trong sự so sánh với đối thủ cạnh tranh;
 - Việc triển khai kế hoạch kinh doanh, phát triển quỹ đất, xây dựng, pháp lý dự án... của Công Ty;
 - Các kết quả tài chính của Công Ty;
 - Sự tuân thủ của Công Ty đối với luật pháp, thủ tục nội bộ, đạo đức kinh doanh...;
- d. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT.

Tổng Giám đốc sẽ cung cấp thông tin bằng cách thức phù hợp khi:

- Thành viên HĐQT yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty theo đúng quy định của pháp luật.
- Trưởng các Tiểu ban thuộc HĐQT yêu cầu bằng văn bản, thư điện tử đối với các nội dung cần Tổng Giám đốc báo cáo và cung cấp tài liệu. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc sẽ phải báo cáo bằng văn bản.
- Thành viên HĐQT phối hợp hoạt động giám sát Tổng Giám đốc theo quy chế hoạt động của các Tiểu ban chuyên trách.

Thành viên HĐQT có thể phỏng vấn với các thành viên Ban điều hành để làm rõ các vấn đề.

2. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc

- Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ hoặc một vụ việc thuộc phạm vi điều chỉnh của chính sách quản lý khủng hoảng (nếu có)... nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho HĐQT trong thời gian sớm nhất có thể và chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ.
- Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của HĐQT nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với HĐQT và Ủy ban kiểm toán bằng văn bản.

3. Trách nhiệm phản hồi của HĐQT

- HĐQT có trách nhiệm phản hồi các nội dung về: Điều Lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các vấn đề trong cơ cấu tổ chức trong thời hạn mười lăm (15) ngày.
- Các nội dung phê chuẩn giao dịch với người có liên quan hoặc giao dịch trọng yếu, HĐQT phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn bảy (7) ngày.

4. Đánh giá hoạt động của HĐQT

Hàng năm HĐQT sẽ tổ chức đánh giá hoạt động chung trên các khía cạnh:

- ☐ Số lượng các buổi họp;
- ☐ Việc triển khai nghị quyết của HĐQT;
- ☐ Các nội dung đã thảo luận;
- ☐ Chất lượng, tính đúng đắn của các quyết định, khuyến nghị đã đưa ra trong năm;
- ☐ Công tác tổ chức, hậu cần, chuẩn bị nội dung cho hoạt động của HĐQT;

Điều 6. Báo cáo và công bố thông tin

1. Nghĩa vụ công bố thông tin

- Công ty có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.
- Việc công bố thông tin được thực hiện trên website của Công Ty, hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và các phương tiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt và được khuyến khích sử dụng tiếng Anh. Khi có sự khác biệt trong công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh, bản tiếng Việt được ưu tiên sử dụng.

2. Công bố về mô hình tổ chức quản lý của Công Ty

- Công Ty báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công Ty theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp.
- Trong trường hợp Công Ty thay đổi mô hình hoạt động, Công Ty phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi ĐHĐCĐ có quyết định thay đổi mô hình.

3. Công bố thông tin về quản trị Công Ty

- Công Ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ ĐHĐCĐ thường niên và trong báo cáo thường niên của Công Ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- Công Ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng Giám đốc

Tiền lương của Tổng Giám đốc phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

5. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, Ban điều hành

Các thành viên HĐQT và Ban điều hành phải thực hiện các nghĩa vụ báo cáo công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

6. Quy chế nội bộ về công bố thông tin

- Công Ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
- Công Ty phải có ít nhất một (01) nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của Công Ty có trách nhiệm sau:
 - Công bố các thông tin của Công Ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
 - Công khai tên, số điện thoại làm việc.

Điều 7. Giám sát thực hiện

- Công Ty, các cá nhân, tổ chức liên quan và các cổ đông Công Ty phải chịu sự giám sát về quản trị Công Ty của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Công Ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán nhà nước và các cơ quan chức năng khác có thẩm quyền.

Điều 8. Hiệu lực

- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Hestia bao gồm 8 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 6 năm 2024.
- HĐQT có trách nhiệm cập nhật các thay đổi của pháp luật để sửa đổi, bổ sung tương ứng nội dung Quy Chế này cho phù hợp. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quy định của Quy Chế và quy định của pháp luật tương ứng, quy định của pháp luật tương ứng sẽ được ưu tiên áp dụng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TRẦN ĐỨC ĐỊNH

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Hestia.

Nhằm đáp ứng quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật Chứng khoán năm 2019; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020; mẫu Quy chế hoạt động của HĐQT được ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và căn cứ tình hình thực tế trong tổ chức, hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Hestia theo Phụ lục đính kèm tờ trình này.

Trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT tiến hành ký và ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Hestia phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Trần Đức Định

CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành ("**Luật Doanh nghiệp**");
- Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành ("**Luật Chứng khoán**");
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công Ty áp dụng đối với Công Ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Hestia ("**Điều Lệ**");
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") số 01/2024/ĐHĐCĐ/HAS ngày /6/2024.

Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Hestia ("**Quy chế**");

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của HĐQT và các thành viên HĐQT nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều Lệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng HĐQT, các thành viên HĐQT.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Công Ty.
2. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Chương II THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều Lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty.
2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ và các nghĩa vụ sau:
 - Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công Ty.
 - Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
 - Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.
 - Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công Ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên HĐQT độc lập của Công Ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công Ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của đơn vị trong Công Ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều Lệ có quy định khác.

Điều 6. Cơ cấu, Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

1. Cơ cấu HĐQT phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. Công Ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công Ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.

Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải đảm bảo quy định sau:

- ☐ Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên HĐQT từ ba (03) đến năm (05) thành viên;
- ☐ Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;
- ☐ Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên HĐQT từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.

2. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công Ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công Ty, trừ trường hợp Điều Lệ có quy định khác;
- Thành viên HĐQT của Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác;
- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty
- Ngoài ra thành viên HĐQT cần có những phẩm chất như sau:
 - ☐ Có tư chất lãnh đạo, liêm chính, có trách nhiệm, chín chắn, có đạo đức; nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong HĐQT, các cán bộ quản lý, và nhân viên của Công Ty;
 - ☐ Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;
 - ☐ Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả;
 - ☐ Kỹ năng giao tiếp tốt.

Điều 7. Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng Giám đốc của Công Ty.
3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
 - Chịu trách nhiệm chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị.
 - Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT.
 - Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
 - Chủ tọa cuộc họp ĐHCĐ.
 - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.
4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa

vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều Lệ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

5. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định bổ nhiệm thư ký Công Ty. Thư ký Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; ghi chép các biên bản họp.
 - Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
 - Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công Ty.
 - Hỗ trợ Công Ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.
 - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

- Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh Nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội Đồng Quản Trị;
- Có đơn từ chức (gửi đơn bằng văn bản) đến trụ sở chính của Công Ty và được chấp thuận;
- Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có hành vi vi phạm pháp luật và bị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tạm giam theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

- Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của HĐQT và HĐQT đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công Ty với tư cách là ứng viên Hội Đồng Quản Trị;
 - Trường hợp khác quy định tại Điều Lệ.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
- Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều Lệ. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3).
 - Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.
 - Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động

của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHCĐ trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:
 - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của Công Ty khác);
 - Lợi ích có liên quan tới Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty;
 - Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều Lệ;
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định tại Điều 29 Điều Lệ.
3. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều Lệ quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều Lệ gây thiệt hại cho Công Ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công Ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công Ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35%) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên mười (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng

hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều Lệ quy định một thời hạn khác; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp theo quy định tại Điều 20 Điều Lệ.

2. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều 28.1 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 20.2 Điều Lệ.

3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

- Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT;
- Xác định thời gian và địa điểm họp;
- Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;
- Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT.

Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

- Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều Lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HĐQT

Điều 15. Cuộc họp HĐQT

- Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
- HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
- Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;
 - Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
- Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 15.3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.
- Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa

điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều Lệ quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công Ty.

7. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.
8. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 15.10 Điều này;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều Lệ.
9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
11. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Điều 16. Biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:

- ☐ Báo cáo kết quả kinh doanh của Công Ty;
- ☐ Báo cáo tài chính;
- ☐ Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công Ty;
- ☐ Báo cáo thẩm định của Ủy ban kiểm toán.

2. Báo cáo quy định tại các khoản 17.1 Điều này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều Lệ không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Công Ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.
6. Thành viên HĐQT có thể được Công Ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều Lệ.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều Lệ không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công Ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên HĐQT của Công Ty phải kê khai cho Công Ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 19.1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông

báo với Công Ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HĐQT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều Lệ và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa HĐQT và Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp Ủy ban kiểm toán, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Hestia bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 6 năm 2024.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TRẦN ĐỨC ĐỊNH

TỜ TRÌNH

V/v : Thông qua các giao dịch với bên liên quan

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Hestia.

Nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong công tác quản trị điều hành, giải quyết kịp thời các vấn đề trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương cho phép Công ty Cổ phần Hestia ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan của Công ty Cổ phần Hestia theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp, Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP dự kiến phát sinh trong năm 2024. Tuy nhiên các giao dịch đó phải được thực hiện trên cơ sở công bằng và các điều khoản giao dịch không bất lợi hơn các điều khoản tương tự do các đối tác độc lập khác đề xuất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Trần Đức Định

TỜ TRÌNH

V/v : Thông qua chủ trương đầu tư

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Hestia.

Nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong công tác quản trị điều hành, giải quyết kịp thời các vấn đề trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tăng trưởng doanh thu thông qua hoạt động mua bán, sáp nhập, mua tài sản Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hestia thông qua chủ trương đầu tư hoặc mua bán tài sản có như sau:

- Thông qua chủ trương đầu tư, mua tài sản, hợp đồng mua bán và các giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm đầu tư, tài sản đầu tư, giá trị đầu tư cụ thể, tìm kiếm đối tác đầu tư và quyết định các vấn đề khác để thực hiện có hiệu quả hoạt động đầu tư tài sản.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT****Trần Đức Định**



Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2024

TỜ TRÌNH

“V/v: Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024”

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Hestia;
- Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Hestia.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Doanh thu hợp nhất: 396.000.000.000 đồng.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 21.328.000.000 đồng.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế trong quá trình triển khai thực hiện.

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Đức Định

TỜ TRÌNH

V/v : Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Hestia;

Xét cơ cấu, số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo Điều lệ của Công ty Cổ phần Hestia từ 03 – 11 người và căn cứ tình hình hoạt động trong thời gian tới, để đáp ứng được thực tiễn quản trị, điều hành, giám sát và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét bầu bổ sung thêm 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên bổ sung là thời gian còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị 2020 - 2025. Việc bầu bổ sung thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế làm việc, bầu cử của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Trần Đức Định

**THÔNG BÁO BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT
CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA
NHIỆM KỲ 2020 – 2025**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hestia.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hestia xin trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc thực hiện bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Công ty Cổ phần Hestia tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, nội dung cụ thể như sau:

- **Số lượng thành viên bổ sung Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025:** 03 thành viên.
- **Thời gian và địa điểm thực hiện bầu:** tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
- **Hướng dẫn về việc đề cử, ứng cử ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị:** được Hội đồng quản trị Công ty thông báo và đăng tải trên website Công ty (<http://hestia.vn/>). Quý cổ đông xin vui lòng xem kỹ Hướng dẫn đề cử, ứng cử này để thực hiện quyền đề cử, ứng cử là thành viên bổ sung Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025 một cách phù hợp và đúng theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- **Dự thảo Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:** được Hội đồng quản trị Công ty công bố, đăng tải trên website của Công ty và sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 trước khi tiến hành bỏ phiếu bầu.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Đức Định

QUY CHẾ BẦU
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2022 - 2027

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hestia.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Hestia tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2020 - 2025 theo các quy định sau:

Điều 1: Các quy định chung:

- Việc bầu thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Hestia (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thực hiện theo nguyên tắc: bầu cử công khai, trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín.
- Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, phù hợp với quy định tại Khoản 3, Điều 148 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (“Luật Doanh nghiệp”) và Điều lệ Công ty.
- Đối tượng có quyền bầu cử bao gồm các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết có tên trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHCĐ tại ngày 30 tháng 5 năm 2024.
- Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu thành viên HĐQT với các nhiệm vụ cụ thể bao gồm:
 - Tổng hợp, lập danh sách những người ứng cử và được đề cử vào HĐQT để thông qua tại Đại hội.
 - Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu.
 - Giải quyết các khiếu nại (nếu có) về bầu thành viên HĐQT.

Điều 2: Số lượng, điều kiện và tiêu chuẩn được ứng cử, đề cử vào HĐQT

- Số lượng thành viên HĐQT được bầu là 03 (ba) thành viên.
- Điều kiện và tiêu chuẩn thành viên HĐQT
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý Doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

3. Điều kiện và tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, phụ cấp từ công ty, trừ các khoản thù lao, thưởng mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.

Điều 3: Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử, ứng cử thành viên để bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025:

- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử một (01) ứng viên
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Từ 80% đến 90% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên

2. Trường hợp số ứng cử viên HĐQT được cổ đông hoặc nhóm cổ đông (Khoản 1 Điều này) đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT đề cử.

Điều 4: Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào vị trí thành viên HĐQT

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên để bầu bổ sung vào HĐQT bao gồm:

- Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia HĐQT (theo mẫu Công ty), hoặc Biên bản họp nhóm (nếu nhóm cổ đông đề cử)
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai.
- CMND/CCCD (hoặc hộ chiếu) và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn của ứng viên.
- Tài liệu chứng minh người ứng cử hoặc đề cử sở hữu cổ phiếu TTF.

2. Hồ sơ tham gia ứng cử/đề cử thành viên HĐQT phải được gửi về Ban Tổ chức Đại hội trước 12h00 ngày 23 tháng 06 năm 2024 theo địa chỉ sau đây:

Địa chỉ: Công ty Cổ phần Hestia, Tầng 14 Tòa nhà Zen Tower, Số 12 Khuất Duy Tiên, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (024) 3537 9671

3. Hồ sơ tham gia ứng cử/đề cử phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Đối với trường hợp đề cử cần phải ghi rõ cổ đông/ nhóm cổ đông, số lượng từng loại cổ phiếu của cổ đông/ nhóm cổ đông, tên người được đề cử, chữ ký của cổ đông/ nhóm cổ đông đề cử và người được đề cử (theo mẫu Công ty kèm theo Quy chế này).

4. Chỉ những hồ sơ ứng cử/ đề cử đáp ứng đủ điều kiện ứng cử/ đề cử và những ứng cử viên công bố tại Đại hội.

Điều 5: Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu

1. Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu gồm 03 (ba) người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách ứng cử và/hoặc đề cử vào HĐQT.

2. Nhiệm vụ của Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu:

- Công bố tại Đại hội, giải thích, hướng dẫn cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông về Quy chế bầu thành viên HĐQT.
- Phát phiếu bầu cho cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội
- Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của cổ đông đại diện theo ủy quyền của cổ đông.
- Tổ chức kiểm phiếu.
- Lập Biên bản kết quả kiểm phiếu và công bố kết quả trước Đại hội đồng cổ đông.
- Cùng Chủ tọa Đại hội giải quyết các khiếu nại liên quan tới việc bầu thành viên HĐQT (nếu có).

3. Các nguyên tắc làm việc của Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu;

- Tuân thủ Quy chế này;
- Thận trọng, trung thực, công bằng, khách quan, minh bạch.

4. Ban bầu cử kiêm Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm trước pháp luật và cổ đông về kết quả kiểm phiếu.

Điều 6: Thủ tục, trình tự bầu thành viên HĐQT

1. Ban bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu hướng dẫn bầu cử tại Đại hội và phát 01 (một) “phiếu bầu HĐQT cho mỗi cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội.

2. Khi được phát Phiếu bầu, cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải kiểm tra lại tổng số cổ phần của Phiếu bầu được phát. Nếu tổng số cổ phần ghi trên Phiếu bầu không bằng với tổng số cổ phần của cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó sở hữu/đại diện, cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải thông báo ngay cho Ban bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu tại thời điểm nhận phiếu để được kiểm tra lại và xử lý kịp thời.

3. Cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông lựa chọn các ứng cử viên mình tín nhiệm để bầu trong danh sách các ứng cử viên đã ghi sẵn trên mỗi phiếu bầu và thực hiện bầu thành viên HĐQT theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Điều 8 Quy chế này.

4. Trong trường hợp viết sai trên Phiếu bầu, cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông không được tẩy xóa mà phải đề nghị Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu đổi lại Phiếu bầu mới.

5. Cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông hoàn tất việc điền vào Phiếu bầu, ký tên trên Phiếu bầu và bỏ vào Hòm phiếu do Ban Tổ chức Đại hội chuẩn bị sẵn.

Điều 7: Phiếu bầu thành viên HĐQT

1. Phiếu bầu do Ban Tổ chức Đại hội phát hành và bao gồm các nội dung, đặc điểm sau:

a. Thông tin về cổ đông và cổ phần: Mã cổ đông; Tên cổ đông; Số cổ phần sở hữu; Số cổ phần được ủy quyền; cổ đông đại diện sở hữu; Tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền; Tổng số phiếu bầu có quyền biểu quyết.

b. Danh sách các ứng cử viên thành viên HĐQT.

c. Được đóng dấu treo của Công ty (đóng dấu ở phía trên, bên góc trái của phiếu).

2. Phiếu bầu không hợp lệ sẽ không có giá trị khi kiểm phiếu và không được tính vào kết quả bầu cử. Các Phiếu bầu không hợp lệ bao gồm:

a. Phiếu không phải do Ban Tổ chức Đại hội phát hành, không đóng dấu treo của Công ty.

b. Phiếu bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa nội dung.

c. Phiếu bầu quá số thành viên HĐQT theo quy định hoặc không bầu ai trong danh sách ứng cử và/ hoặc đề cử đã được Đại hội thông qua.

d. Phiếu bầu ghi thêm tên những người ngoài danh sách ứng cử và/hoặc đề cử đã được Đại hội thông qua.

e. Phiếu bầu có tổng cộng số phiếu bầu cho tất cả ứng cử viên mà cổ đông chọn lớn hơn tổng số phiếu bầu có quyền biểu quyết của cổ đông.

f. Phiếu bầu nộp cho Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu đã kết thúc vào hòm phiếu đã được niêm phong.

g. Phiếu bầu thiếu chữ ký hợp lệ của cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông hoặc có chữ ký nhưng không hợp lệ, không được ký bởi cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

h. Phiếu bầu không sử dụng một trong hai phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều 8 hoặc sử dụng cả hai phương thức đó.

Điều 8: Phương thức bầu dồn phiếu

1. Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông có quyền lựa chọn thực hiện theo một trong hai phương thức bầu dồn phiếu sau đây:

a. Cách 1: Bầu dồn đều phiếu cho các ứng cử viên.

Theo phương thức này, cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu gạch chéo (X) vào dòng tương ứng với tên ứng cử viên được lựa chọn tại cột “Cách 1: Bầu dồn đều”. Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông chọn (x) số thành viên được bầu HĐQT.

b. Cách 2: Số phiếu bầu phân bổ cho từng ứng cử viên.

Theo phương thức này, cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông ghi trực tiếp số phiếu bầu cho từng ứng cử viên được lựa chọn tại cột “Cách 2: Bầu phân bổ”. Số phiếu bầu của mỗi ứng cử viên có thể khác nhau tùy thuộc sự tín nhiệm của cổ đông đối với mỗi ứng cử viên.

2. Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông chỉ lựa chọn một trong hai phương thức bầu dồn phiếu nêu tại Khoản 1 Điều này để đảm bảo Phiếu bầu là hợp lệ.

3. Số phiếu bầu của từng ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu có quyền biểu quyết ghi ở phần thông tin cổ đông.

4. Mỗi cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tổng số phiếu bầu có quyền biểu quyết tương ứng với Tổng số cổ phần sở hữu/đại diện nhân với (x) số thành viên được bầu của HĐQT.

5. Ví dụ minh họa:

- Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu 03 (ba) thành viên HĐQT, có 03 ứng cử viên tham gia ứng cử thành viên HĐQT.
- Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 1.000 cổ phần.
- Tổng số phiếu bầu có quyền biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn A là: $1.000 \times 3 = 3.000$ phiếu bầu.
- Cổ đông Nguyễn Văn A có quyền lựa chọn một trong hai phương thức bầu dồn phiếu và điền như sau để đảm bảo tính hợp lệ của Phiếu bầu:

Cách 1: Bầu dồn đều (chọn 03 ứng cử viên được bầu HĐQT)

Mã số	Họ và tên ứng viên	Cách 1: Bầu dồn phiếu (Đánh dấu x vào 03 ô trống)	Cách 2: Bầu phân bổ (Ghi số lượng phiếu bầu)
01	Ứng viên 1	<input checked="" type="checkbox"/>	
02	Ứng viên 2	<input checked="" type="checkbox"/>	
03	Ứng viên 3	<input checked="" type="checkbox"/>	

Cách 2: Bầu phân bổ

Trường hợp 1: Số phiếu bầu phân bổ cho từng ứng cử viên

Mã số	Họ và tên ứng viên	Cách 1: Bầu dồn phiếu (Đánh dấu x vào 03 ô trống)	Cách 2: Bầu phân bổ (Ghi số lượng phiếu bầu)
01	Ứng viên 1	<input type="checkbox"/>	500
02	Ứng viên 2	<input type="checkbox"/>	2000

03	Ứng viên 3	<input type="checkbox"/>	500
----	------------	--------------------------	-----

Trường hợp 2: Bầu dồn hết phiếu cho một ứng cử viên

Mã số	Họ và tên ứng viên	Cách 1: Bầu dồn phiếu (Đánh dấu x vào 03 ô trống)	Cách 2: Bầu phân bổ (Ghi số lượng phiếu bầu)
01	Ứng viên 1	<input type="checkbox"/>	
02	Ứng viên 2	<input type="checkbox"/>	3.000
03	Ứng viên 3	<input type="checkbox"/>	

Điều 9: Kiểm phiếu

- Việc kiểm phiếu được Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và được thực hiện ở một phòng riêng có sự giám sát của đại diện cổ đông.
- Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu kiểm đếm toàn bộ Phiếu bầu được bỏ vào Hòm phiếu, xác định số phiếu hợp lệ và không hợp lệ theo quy định, thống kê số lượng phiếu bầu cho từng ứng cử viên theo từng Phiếu bầu để tổng hợp kết quả kiểm phiếu.
- Sau khi kiểm phiếu, Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu. Trưởng Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu đọc Biên bản này ngay tại Đại hội.
- Sau khi công bố Biên bản kết quả kiểm phiếu, Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu niêm phong toàn bộ Phiếu bầu đã được kiểm đếm và bàn giao Biên bản này cùng với các Phiếu bầu (đã được niêm phong) cho Thư ký Đại hội.
- Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu có thể yêu cầu các chuyên viên tham gia hỗ trợ trong quá trình kiểm tra Phiếu bầu thành viên HĐQT nhằm đảm bảo tiến độ kiểm phiếu.

Điều 10: Điều kiện trúng cử

- Người trúng cử thành viên HĐQT tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và được nhiều phiếu hơn tính theo thứ tự số phiếu đạt được từ cao đến thấp đến tối đa số người trúng cử theo quy định.
- Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho HĐQT, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên theo quy định.
- Trường hợp phải lựa chọn một trong hai ứng viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì ứng viên nào đang có cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tịch tọa quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

Điều 11: Các quy định khác

- Mọi cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông đều có quyền chất vấn trước Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc bầu thành viên HĐQT.

2. Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử phải được xem xét và giải quyết ngay tại Đại hội. Trường hợp có khiếu nại, Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.
3. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua và chỉ được áp dụng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2024.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu hồ sơ ĐHĐCĐ 2024.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Đức Định

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

.....o0o.....

PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên cổ đông:

Mã số cổ đông:

Số cổ phần sở hữu và đại diện	Tổng số phiếu bầu = số cổ phần có quyền biểu quyết x ... thành viên HĐQT được bầu

Số thành viên HĐQT được bầu: 03 Thành viên

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (Chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
		Chia đều tổng số phiếu cho các ứng viên được chọn (đánh dấu “x” vào ... ứng viên được chọn)(*)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (viết số lượng cụ thể phiếu bầu cho ứng viên)
1			
2			
3			

(*) Cách này bắt buộc phải tích đủ (x) cho các ứng viên

Phản chữ ký xác nhận của cổ đông
(Hoặc người đại diện theo ủy quyền)
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠT HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

Tôi tên là (tổ chức/cá nhân):

CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:

Ngày cấp:..... Nơi cấp:

Đại chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn:.....

Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu:cổ phần (Bằng chữ:.....)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:.....(đồng)

Đề nghị Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Hestia cho tôi được tự ứng cử vào HĐQT Công ty Cổ phần Hestia nhiệm kỳ 2020 - 2025 được bầu bổ sung trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Hestia.

Trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2024

Người ứng cử

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai;
- CMND/CCCD/Hộ chiếu và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận tình độ văn hóa, trình độ chuyên môn của ứng viên;

Đơn ứng cử cùng các hồ sơ gửi kèm phải gửi về Ban Tổ chức ĐHĐCĐ trước 12h00 ngày 23/06/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN
THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA**

Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

Tôi tên là (tổ chức/cá nhân):

CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:

Ngày cấp:..... Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):

Hiện đang sở hữu:cổ phần (Bằng chữ:.....)

Tương ứng:.....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Đề nghị Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Hestia cho tôi được đề cử:

Ông/Bà:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu:cổ phần (Bằng chữ:.....)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:.....(đồng)

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Hestia nhiệm kỳ 2020 - 2025 được bầu bổ sung trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Trân trọng cảm ơn.

Người được đề cử

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2024

Người đề cử

(Ký và ghi rõ họ tên – đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai;
- CMND/CCCD/Hộ chiếu và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn của ứng viên;

Đơn ứng cử cùng các hồ sơ gửi kèm phải gửi về Ban Tổ chức ĐHĐCĐ trước 12h00 ngày 23/06/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: ...
2. Giới tính: ...
3. CCCD số: ...
4. Ngày tháng năm sinh: .../.../...
5. Nơi sinh: ...
6. Quốc tịch: ...
7. Dân tộc: ...
8. Quê quán: ...
9. Địa chỉ: ...
10. Số điện thoại: ...
11. Email: ...
12. Trình độ văn hóa: ...
13. Trình độ chuyên môn: ...
14. Quá trình công tác:

Tháng, năm	Chức vụ, Đơn vị công tác
.../... – .../...
.../... – .../...
.../... – .../...

15. Chức vụ công tác hiện nay: ...
16. Số cổ phiếu HSA đang nắm giữ của cá nhân và người có liên quan (*tính theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng 30/05/2024*): ... cổ phiếu, chiếm ...% vốn điều lệ, trong đó:
 - Cá nhân sở hữu: ... cổ phiếu, chiếm ...% vốn điều lệ.
 - Đại diện sở hữu: ... cổ phiếu, chiếm ...% vốn điều lệ.
 - Sở hữu của người có liên quan: ... cổ phiếu, chiếm ...% vốn điều lệ.
17. Lợi ích liên quan với Công ty: ...
18. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: ...
19. Hành vi vi phạm pháp luật: ...
20. Năng lực nổi bật: ...

Tôi cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người khai

...

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
PHIẾU BIỂU QUYẾT

I. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

- Tên Cổ đông: ...
- Mã cổ đông: ...
- Số lượng cổ phiếu vào ngày chốt danh sách 30/5/2024: ...
- Người nhận ủy quyền (nếu có): ...

II. NỘI DUNG BIỂU QUYẾT

STT	Vấn đề giải quyết
1	Báo cáo Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch năm 2024 <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành <input type="checkbox"/> Không ý kiến
2	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và kế hoạch 2024 <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành <input type="checkbox"/> Không ý kiến
3	Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành <input type="checkbox"/> Không ý kiến
4	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành <input type="checkbox"/> Không ý kiến
5	Tờ trình việc chọn đơn vị kiểm toán, phân phối lợi nhuận, thù lao HĐQT năm 2024 <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành <input type="checkbox"/> Không ý kiến
6	Tờ trình thay đổi mô hình tổ chức quản trị Công ty Cổ phần Hestia <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành <input type="checkbox"/> Không ý kiến
7	Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành <input type="checkbox"/> Không ý kiến
8	Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị Công ty <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành <input type="checkbox"/> Không ý kiến
9	Tờ trình Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty. <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành <input type="checkbox"/> Không ý kiến
10	Tờ trình thông qua các giao dịch với bên liên quan. <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành <input type="checkbox"/> Không ý kiến
11	Tờ trình Thông qua chủ trương đầu tư tài sản. <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành <input type="checkbox"/> Không ý kiến
12	Tờ trình thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024. <input type="checkbox"/> Tán thành <input type="checkbox"/> Không tán thành <input type="checkbox"/> Không ý kiến

Tp. HCM, ngày 29 tháng 6 năm 2024
CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Cổ đông đánh dấu (x) hoặc (√) vào cột lựa chọn tương ứng với từng nội dung biểu quyết trên Phiếu biểu quyết.
- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2024 - Công ty Cổ phần Hestia
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ: + Phiếu không có chữ ký của cổ đông/ đại diện cổ đông; + Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu ghi thêm nội dung không do Chủ tọa Đại hội yêu cầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

Tầng 14 Tòa nhà Zen Tower, Số 12 Khuất Duy Tiến, P. Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Tp. HN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
THẺ BIỂU QUYẾT

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

- Tên Cổ đông: ...
- Mã cổ đông: ...
- Số cổ phần sở hữucổ phần
- Số cổ phần được ủy quyền.....cổ phần
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.....cổ phần

Tp. HCM, ngày 29 tháng 6 năm 2024
CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ- HSA

Tp HCM, ngày 29 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Hestia;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Hestia số 01/2024/BBH-ĐHĐCĐ-HAS ngày 29/06/2024.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Ban Tổng Giám đốc (*Chi tiết theo báo cáo đính kèm tại Đại hội*).

- Các chỉ tiêu chính kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:
- Kế hoạch kinh doanh năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	
2	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	

Điều 2: Thông qua Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2023 và kế hoạch năm 2024.

(*Chi tiết theo báo cáo đính kèm tại Đại hội*)

Điều 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2023 và kế hoạch năm 2024.

(*Chi tiết theo báo cáo đính kèm tại Đại hội*)

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023.

(*Chi tiết theo báo cáo đính kèm tại Đại hội*)

Điều 5: Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024; phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch năm 2024; thù lao thành viên HĐQT & Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao thành viên HĐQT năm 2024 như sau:

- a. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một Công ty kiểm toán trong danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận từ Ủy ban chứng khoán nhà nước để thực hiện soát xét để kiểm toán Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2024 của Công ty Cổ phần Hestia.
- b. Không trích lập quỹ và không chia cổ tức năm 2023 và năm 2024.
- c. Báo cáo tình hình chi trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát trong năm 2023
Trong năm 2023 tất cả Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát đều không nhận thù lao
- d. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2024

Dựa trên các công việc thực hiện, HĐQT đề xuất mức thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2024 như sau:

🚦 Thù lao Ban kiểm soát năm 2024: Không chi trả thù lao Ban kiểm soát trong thời gian hoạt động thực tế năm 2024 tới thời điểm Đại hội đồng cổ đông thông qua chuyển đổi mô hình hoạt động công ty sang mô hình mới không có Ban kiểm soát và miễn nhiệm toàn bộ các thành viên Ban kiểm soát.

🚦 Thù lao Hội đồng quản trị năm 2024:

- Không chi trả thù lao Hội đồng quản trị 6 tháng đầu năm 2024.
- Thù lao Hội đồng quản trị 6 tháng cuối năm 2024 như sau:
 - +Chủ tịch HĐQT: 10.000.000 đồng/tháng.
 - +Thành viên HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng.
 - +Thành viên HĐQT kiêm chủ tịch Ủy ban kiểm toán: 8.000.000 đồng/tháng.
 - +Thành viên HĐQT kiêm thành viên Ủy ban kiểm toán: 6.000.000 đồng/tháng.

Điều 6: Thông qua Tờ trình thay đổi mô hình tổ chức quản trị Công ty Cổ phần Hestia
(Chi tiết theo tờ trình đính kèm tại Đại hội)

Điều 7: Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
(Chi tiết theo tờ trình đính kèm tại Đại hội)

Điều 8: Thông qua Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
(Chi tiết theo tờ trình đính kèm tại Đại hội)

Điều 9: Thông qua Tờ trình Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty.
(Chi tiết theo tờ trình đính kèm tại Đại hội)

Điều 10: Thông qua Tờ trình các giao dịch với bên liên quan.
(Chi tiết theo tờ trình đính kèm tại Đại hội)

Điều 11: Thông qua Tờ trình chủ trương đầu tư.

(Chi tiết theo tờ trình đính kèm tại Đại hội)

Điều 12: Thông qua Tờ trình kế hoạch kinh doanh năm 2024.

(Chi tiết theo tờ trình đính kèm tại Đại hội)

Điều 13: Thông qua Quy chế bầu cử Thành viên HĐQT Công ty, danh sách đề cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025

Kết quả bầu cử bổ sung thành viên HĐQT

STT	Họ tên
1	
2	
3	

Số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 202225 sau khi bầu bổ sung gồm:

- | | |
|-----------|---------------------------|
| 1. Ông | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông | - Thành viên HĐQT |
| 3. Ông | - Thành viên HĐQT |
| 4. Ông | - Thành viên HĐQT |
| 5. Ông/Bà | - Thành viên HĐQT độc lập |
| 6. Ông/Bà | - Thành viên HĐQT |
| 7. Ông/Bà | - Thành viên HĐQT |

Điều 14: Hiệu lực thi hành

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 giao cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hestia chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo và đôn đốc triển khai, theo dõi việc thực hiện đúng theo nội dung Nghị quyết này, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ của Công ty.
- Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/46/2024. Tất cả Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hestia chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Cổ đông Cty;
- UBCKNN; HNX
- HĐQT, Ban TGD;
- Lưu VT

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA

TRẦN ĐỨC ĐỊNH